

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Lợi Niê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Tha Mlô và ông Trương Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp về hôn nhân" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị H Y**, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn Ea T, xã Ea T, huyện C K, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: **Anh Y Th**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn Tr, xã Ea H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị H Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị H Y và anh Y Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea H vào ngày 21/4/2011.

Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung gồm cháu H Đ K, sinh ngày 18/8/2007 và H Z K, sinh ngày 13/3/2011, hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng chị H Y tại Buôn Ea T, xã Ea T, huyện C K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Y Th liên tục uống rượu, không chung thủy với vợ và bỏ bê gia đình con cái, không chịu làm ăn, Thường xuyên đánh đập và đối xử ngang ngược với vợ con và họ hàng, đập phá đồ đạc trong nhà, đe dọa đến tính mạng của chị H Y. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải động viên nhưng anh Y Th vẫn chứng nào tật nấy, vẫn không thay đổi gì. Do sức chịu đựng có hạn nên chị H Y quyết định sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không hạnh phúc và không còn khả năng để hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị H Y và anh Y Th Về con chung: chị H Y và anh Y Th có 02 con chung H' Đ K, sinh ngày 18/8/2007 và H' Z K, sinh ngày 13/3/2011, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay 02 cháu đang sống cùng chị H Y tại xã Ea T, huyện C K. Kể từ khi ly thân đến nay anh Y Th không quan tâm và không có trách nhiệm với con, không cấp dưỡng nuôi con. Chị H Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không cần anh Y Th nuôi dưỡng hay cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn:

Quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đơn đã được tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Y Th vắng mặt và không cung cấp ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không tiến hành lời khai, hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán: Về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho bị đơn là anh Y Th nhưng anh Y Th đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Y Th.

[3]. *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị H Y kết hôn với anh Y Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/4/2011, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đỉnh điểm là đến tháng 4 năm 2018, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị H Y và anh Y Th thì cho thấy hai người có quan hệ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại địa phương; về tình cảm vợ chồng hiện nay đang có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa chị H Y vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Y Th vì cho rằng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, nay xét tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết yêu

cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Y Th, yêu cầu của chị H Y là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị H Y và anh Y Th có 02 con chung là H Đ K, sinh ngày 18/8/2007 và H Z K, sinh ngày 13/3/ 2011, hiện nay các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và do mẹ đẻ là chị H Y đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H Y yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các con (bản tự khai ngày 04 tháng 3 năm 2019) là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị H Y không yêu cầu anh Y Th phải cấp dưỡng nuôi con đây là ý chí tự nguyện của chị H Y nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn chị H Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Y Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Y.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H Y được ly hôn với anh Y Th.

2. *Về con chung*: Giao các cháu H Đ K, sinh ngày 18/8/2007 và H Z K, sinh ngày 13/3/2011 cho chị H Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi .

Anh Y Th được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

3. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị H Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị H Y đã nộp tạm

ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006913 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chị H Y đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea H;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Y Lợi Niê